TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/HNGĐ -ST
Ngày 31/7/2025
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Ái
Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Ngọc
Bà Nguyễn Thị Kim Huyền

-***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Nhớ - Thư ký TAND khu vực 1- Hưng Yên
- ***Đại diện VKSND khu vực 1 – tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa***: Bà Vương Thị Diệu - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 07 năm 2025, Tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2025/TLST - HNGĐ ngày 16/5/2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2025/QĐXX- HNGĐ ngày 30/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : Chị Trần Thị L, sinh năm 1995
- Bị đơn: Anh Thái Ngọc L, sinh năm 1994
- Người có QLNV liên quan: 1.Cháu Thái Minh L, sinh ngày 21/7/2017
2. Cháu Thái Minh N, sinh ngày 30/10/2018

Người đại diện của các cháu: Chị Trần Thị L và anh Thái Ngọc L (là bố mẹ đẻ của các cháu)

Cùng địa chỉ: CL, CN, AT, Hưng Yên (nay là xã Nguyễn Trãi, Hưng Yên)

Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 16/5/2025 và lời khai của chị L trình bầy: Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Ninh (nay là xã Nguyễn Trãi) vào năm 2017. Sau khi cưới, chị về ngay gia đình chồng chung sống. Vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc và có với nhau 02 con chung. Đến năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, làm ăn thua lỗ, nhiều lần nói chuyện để khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả, sau đó anh L đi xuất khẩu lao động vì đang dịch Covid không có việc, tiền không có, vợ chồng cãi nhau, anh L về nước năm 2023 và mua ô tô đi lái taxi nhưng mải chơi, không chịu làm. Đầu năm 2024, do mâu thuẫn, chị về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân nhau từ thời gian

này. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Thái Minh L, sinh năm 2017 và Thái Minh N, sinh năm 2018.

Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết.

Anh Thái Ngọc L trình bày: Anh chị có thời gian tìm hiểu nhau, sau đó về báo cáo hai gia đình, hai gia đình tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Ninh vào năm 2017. Vợ chồng có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 01/2024 chị L xin nghỉ công ty 1 tháng về nhà bố mẹ đẻ chơi, anh không đồng ý vì chị L mới về nhưng không có ai ở nhà chị L đã cùng 02 con và lấy toàn bộ giấy tờ về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh gọi nhiều lần nhưng không nghe, vào đón không về, vì thế anh đón cháu L về. Nay chị L xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xin nhận nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Không có

Về nợ: Năm 2018 có vay của ông Trần Văn Thuận số tiền 25.000.000 đồng, nhờ bà Động (mẹ đẻ) vay hộ 150.000.000 đồng đã trả 80.000.000 đồng, vay của bà Thái Thị Hường 6.000.000 đồng. Năm 2022, vay của ông Trần Sỹ Bình 40.000.000 đồng. Anh yêu cầu giải quyết.

Bà Võ Thị Vinh (mẹ đẻ của chị L) trình bày: Anh chị tự tìm hiểu nhau, sau đó về báo cáo 02 gia đình, hai gia đình nói chuyện và tổ chức cho anh chị, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Ninh vào năm 2017. Sau khi cưới chị L về ngay gia đình chồng chung sống. Sau một thời gian chung sống đến năm 2021 vợ chồng mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mỗi người 1 cách sống, cách nghĩ khác nhau, mâu thuẫn ngày một trầm trọng đến tháng 4/2024 chị L về nhà bà ở cho đến nay. Trong thời gian chị L về nhà bà ở, anh L có đến gia đình bà 1 lần để đón con về nhưng không thấy nói chuyện đón chị L về. Nay chị L, anh L ra Tòa ly hôn, việc các cháu có ở được với nhau nữa hay không là quyền của các cháu.

Về con chung: Có 02 con chung là Thái Minh L, sinh năm 2017 và Thái Minh N, sinh năm 2018. Hiện cháu L đang ở với anh L, còn cháu N đang ở với chị L.

Về tài sản chung: Không có.

Tại biên bản xác minh với UBND xã Cẩm Ninh: Chị L, anh L là vợ chồng, đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào ngày 17/01/2017. Anh L, chị L chung sống với nhau tại Cẩm La, Cẩm Ninh và trong quá trình chung sống có mâu thuẫn hay không UBND xã không nắm được.

Về con chung: Chị L, anh L và 02 cong chung là cháu Thái Minh L, sinh năm 2017 và Thái Minh N, sinh năm 2018.

Về tài sản chung, công sức: UBND xã không nắm được

Anh L lái xe taxi, thu nhập của anh L bao nhiêu UBND xã không nắm được.

Tại phiên tòa ngày 23/7/2025: Anh L vắng mặt lần thứ 1, căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS, HĐXX hoãn phiên tòa:

Tại phiên tòa ngày 31/7/2025: Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt lần thứ hai, không có lý do, căn cứ Điều 227, 228, 238 BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

**** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND tham gia phiên tòa:***

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng vắng mặt không có lý do vi phạm Điều 70 BLTTDS.

+ Về đường lối giải quyết: Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án giải quyết theo hướng chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh L.

Về con chung: Giao cháu Thái Minh N, sinh năm 2018 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi và tự lập được; giao cháu Thái Minh L, sinh năm 2017 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi và tự lập được. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L và chị L được quyền đi lại, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công sức, nợ nần: chị L không yêu cầu; anh L có yêu cầu phản tố đề nghị Toà án giải quyết số nợ chung của hai vợ chồng trong thời gian chung sống, tuy nhiên anh L không thực hiện theo yêu cầu cung cấp chứng cứ, tài liệu của Toà án và không thực hiện nộp tạm ứng án phí theo quy định vì vậy nên không có căn cứ để xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hưng Yên, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh L, chị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (nay là xã Nguyễn Trãi, Hưng Yên) vào ngày 17/01/2017. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh L, chị L là hợp pháp. Nay chị L có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục

chung. Anh L có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn Cẩm La, xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi (nay là xã Nguyễn Trãi, Hưng Yên) nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi (nay là TAND khu vực 1 – Hưng Yên) theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Chị L xác định năm 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân một phần là do bất đồng quan điểm sống, làm ăn kinh tế, sau đó anh L đi xuất khẩu lao động nhưng không có việc làm, không có tiền, vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn. Năm 2023, anh L về nước mua ô tô để lái taxi nhưng do mải chơi, vợ chồng cãi nhau. Đầu năm 2024, chị L về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng đã không còn quan tâm chăm lo đến nhau mà sống mỗi người một nơi, không liên quan đến nhau về kinh tế. Về phía anh L, anh xác định vợ chồng vẫn chung sống bình thường, tháng 01/2024 chị L xin nghỉ phép công ty để về bố mẹ chơi, anh không đồng ý vì chị L mới về nhưng chị L vẫn cố tình về và ở lại, không về nhà anh nữa. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh L đến Tòa án để hòa giải, tiến hành phân tích để anh chị về đoàn tụ. Tuy nhiên, anh L vắng mặt tại các buổi hòa giải, anh L xác định không cần hòa giải, việc chị L ly hôn là quyền của chị L. Từ phân tích trên, HĐXX thấy hôn nhân giữa anh L, chị L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh L, chị L không còn thương yêu, quý trọng nhau nữa, đến nay vợ chồng không có biện pháp gì để hàn gắn mà vẫn tiếp tục sống ly thân nhau nên yêu cầu khởi kiện được ly hôn với anh L của chị L là phù hợp với thực trạng hôn nhân của anh chị nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh L, chị L có 02 con chung là cháu Thái Minh L, sinh năm 2017 và Thái Minh N, sinh năm 2018. Hiện nay cháu L đang ở với anh L, cháu N đang ở với chị L. Chị L có nguyện vọng được nuôi cháu N và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung, còn để anh L nuôi cháu L. Anh L có nguyện vọng nhận nuôi cả 02 con chung. Xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng của các đương sự, thể hiện được trách nhiệm của các bậc làm cha, làm mẹ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án cháu N có nguyện vọng được ở với mẹ, còn cháu L từ chối khai nên trong hồ sơ không thể hiện nguyện vọng của cháu. Xét nguyện vọng của chị L, anh L, HĐXX nhận thấy: Cháu L đang học tập tại Cẩm Ninh, còn cháu N đang học tập tại Nghệ An, chị L, anh L đang ở với bố mẹ và đều có công việc. Vì vậy, để tránh xáo trộn trong học tập, sinh hoạt của các cháu nên sẽ giao anh L nuôi dưỡng và chăm sóc cháu L đến tuổi thành niên. Giao chị L nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N đến tuổi thành niên. Quan điểm của chị L, anh L không yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công sức: Anh L, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ: Chị L không có yêu cầu. Ngày 22/5/2025 anh L có đơn phản tố đề nghị Tòa giải quyết số nợ của vợ chồng, Tòa án đã yêu cầu anh L nộp các tài liệu, chứng cứ và nộp tiền tạm ứng án phí nhưng hết thời hạn anh L không nộp. Vì vậy, căn cứ Điều 202, điểm d Điều 192 BLTTDS, Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 điều 227, khoản 1, 3 điều 228, Điều 238 BLTTDS;

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Thái Ngọc L.

2- Về con chung: Giao cho anh Thái Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Thái Minh L, sinh ngày 21/7/2017 đến tuổi thành niên. Giao cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Thái Minh N, sinh ngày 30/10/2018 đến tuổi thành niên.

Công nhận sự tự nguyện của anh L, chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L, chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không giải quyết.

4 - Về án phí : Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0001496 ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị L đã nộp đủ.

5- Quyền kháng cáo: Anh L, chị L có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Phòng Giám đốc, kiểm tra, thanh tra và thi hành án tỉnh;
-VKSND khu vực 1 –Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
-Đương sự;
-UBND xã Nguyễn Trãi, Hưng Yên;
-Lưu HS

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Ái